TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư và bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 61/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/10/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2024 và Thông báo chuyển lịch xét xử số 04/TB-TA ngày 25/10/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: tổ H, ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Tạ Thị Kim C, sinh năm: 1993

Địa chỉ: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Tạ Thị Kim C trình bày:*

Quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hữu T và bà Tạ Thị Kim C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An vào năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là theo ông T do quá trình chung sống với nhau, ông T muốn bà C về Long An sinh sống cùng phía gia đình chồng nhưng bà C không đồng ý, nên phát sinh mâu thuẫn, ngoài ra vợ chồng mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, không hợp tính hay kình cãi nên hai bên đã không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và sống xa nhau từ tháng 4 năm 2023. Bà C cho rằng quá trình chung sống, ông T thường xuyên đi làm xa, khi ông T yêu cầu bà C về sinh sống tại Long An thì bà C có yêu cầu ông T chuyển về làm gần nhà và sửa lại nhà rồi mới đồng ý về sống chung cùng gia đình chồng nhưng ông T không chịu và hai bên đã sống xa nhau từ tháng 3 năm 2024, không ai quan tâm ai.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên ông T xin ly hôn, bà C không đồng ý ly hôn vì còn thương ông T.

Con chung: vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Ngọc Tuệ L, sinh ngày 17/9/2018. Cháu L đang ở với bà C. Khi ly hôn, ông T và bà C thống nhất giao con cho bà C nuôi, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2024 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, các bên đương sự không yêu cầu gì khác.

* Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

* Tại phiên tòa: bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại các bản tự khai, biên bản hòa giải.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T; về con chung: giao cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, ông T cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con khi ly hôn với bị đơn bà Tạ Thị Kim C, trú tại: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Ông T và bà C tự nguyện kết hôn vào năm 2017, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2017, ngày 31/7/2017 là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông T, bà C phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính, quan điểm bất đồng nên thường xuyên kình cãi. Hiện nay hai bên đã sống xa nhau, không ai quan tâm ai. Tòa án cũng nhiều lần mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục, hàn gắn cho ông T và bà C đoàn tụ nhưng ông T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa ông T, bà C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[2.2] Con chung: ông T và bà C có một con chung tên là Nguyễn Ngọc Tuệ L, sinh ngày 17/9/2018. Cháu L hiện do bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông T và bà C thống nhất giao con cho bà C nuôi, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2024 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng; nên chấp nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng và cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T được ly hôn bà Tạ Thị Kim C.

[2] Về con chung: công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao cho bà Tạ Thị Kim C được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Ngọc Tuệ L, sinh ngày 17/9/2018. Ông Nguyễn Hữu T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc Tuệ L 7.000.000 đồng/tháng *(Bảy triệu đồng/tháng)*, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2024 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng.

Ông Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí: ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* và về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, tổng cộng là 450.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003278 ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, nên ông Nguyễn Hữu T phải tiếp tục nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TX. Đông Hoà;
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Lệ Hiền